TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2019/HS-ST
Ngày 22 tháng 02 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Bàn Văn Thế.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ma Quốc Thể.
Bà Hoàng Thị Oanh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà*: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLST-HS, ngày 30/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 11/02/2019 đối với bị cáo:

Đặng Hữu T, sinh ngày 17/11/1998, tại S, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Kế Tân, xã Thiện Kế, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Hữu Thạch, sinh năm 1974 và bà Tô Thị Mai, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 08/11/2018, Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, số tiền 750.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn H, sinh năm 1995. Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Lưu Văn H, Nguyễn Văn L, Lê Văn H1, Trần Văn Đ, Đinh Quang K, chị Linh Thị N, Hà Thị H. Chị N có mặt; anh H, L, H1, Đ, K và chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 04 giờ 10 phút ngày 20/11/2018, Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy Công an huyện S tiến hành kiểm tra phát hiện tại phòng hát Vip 1 quán Karaoke T 668 thôn G, xã P, huyện S do Trần Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T, huyện S làm quản lý có 03 nam thanh niên, gồm: Đặng Hữu T, sinh năm 1998, trú tại thôn K, xã T, huyện S; Lưu Văn H sinh năm 1991, trú tại thôn V, xã S, huyện S; Lê Văn H1, sinh năm 1994, trú tại thôn G, xã P, huyện S đang sử dụng trái phép chất ma túy. Trong phòng hát Vip 1 lúc này còn có Đinh Quang K, sinh năm 2000, trú tại thôn K, xã T, huyện S và 02 nữ nhân viên quán hát Karaoke T 668 là Hà Thị H, sinh năm 1998, trú tại xã K, huyện N, tỉnh T và Linh Thị N, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã T, huyện C (chị N và chị H đang nằm ngủ). Tang vật thu giữ gồm: 02 gói nhỏ nilon màu trắng trong có chứa chất tinh thể màu trắng, 01 bình thủy tinh màu trắng có ống hút là dụng cụ để sử dụng ma túy đá.

Quá trình điều tra đã xác định:

Bản thân T là người sử dụng ma túy từ năm 2016, loại ma túy thường sử dụng là ma túy đá, hình thức sử dụng bằng cách đốt hít vào cơ thể. Khoảng 13 giờ ngày 17/11/2018, T một mình bắt xe ô tô khách đi xuống khu vực Cầu Nhật Tân, thành phố Hà Nội gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi không rõ tên, địa chỉ hỏi *"Chú có ma túy đá không bán cho cháu 3 triệu",* người đàn ông đó trả lời: *"Có, đưa tiền đây tao bán cho"*. T đưa cho người đàn ông đó 3.000.000 đồng, người đàn ông đưa lại cho T một gói nhỏ nilon màu trắng, trong có chứa chất tinh thể màu trắng, kiểm tra thấy đúng là ma túy đá, T gói lại như cũ cất vào túi quần đang mặc trên người rồi đón xe ô tô khách về quán Karaoke Tùng Dương 668.

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 20/11/2017, T đang ở quán Karaoke Tùng Dương 668 thuộc thôn Gia Cát, xã Phú Lương thì Dương Văn H2 gọi điện thoại cho T hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, T đồng ý và hẹn Hà đến cổng quán hát Tùng Dương. Sau đó, T đi vào quán lấy ra một ít ma túy đá cho vào túi nilon hàn kín lại để bán cho anh H2 và lấy một ít ma túy đá trong gói nilon để sử dụng bằng cách cho vào cóong đốt hít vào cơ thể. Cùng sử dụng với T có Lê Văn H, Lưu Văn H1 và Trần Văn Đ (Đ là chủ quán Tùng Dương 668). Khoảng 01 giờ 45 phút cùng ngày, H2 cùng Nguyễn Văn L, sinh năm 1999, trú tại thôn A, xã Đ đến cổng quán hát Tùng Dương 668 và gọi điện thoại cho T ra để mua ma túy đá, T bán cho H2 01 gói ma túy đá với giá 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, số tiền dùng để mua ma túy đá là của H2. Sau đó, H2 và L đi về nhà L sử dụng hết số ma túy đá mua của T bằng cách đốt hít vào cơ thể.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, sau khi bán ma túy đá cho H2 và L, T đi vào phòng Vip 1 của quán Tùng Dương 668 cùng H, H1 và Đ1 tiếp tục sử dụng ma túy đá. Sau khi sử dụng xong thì Đ đi về phòng ngủ tại quán hát để ngủ, còn lại T,

Hoàng và Hiệp thì ở tại phòng hát Vip 1. Trong phòng hát Vip 1 lúc này có Hà Thị H và Linh Thị N là nhân viên quán hát T 668 đang nằm ngủ, còn Đinh Quang K đang đứng ở cửa phòng thì Tổ công tác Công an huyện S đến kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ 02 gói nilon màu trắng trong có chứa chất tinh thể màu trắng của T đang cầm trên tay phải.

Kết quả xét nghiệm ma túy đối với Đặng Hữu T, Đinh Quang K, Dương Văn H2, Lê Văn H, Lưu Văn H1, Hà Thị H, Linh Thị N, Nguyễn Văn L, và Trần Văn Đ là dương (+) tính với methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 11/GĐKTHS ngày 22/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Số chất tinh thể màu trắng thu giữ của Đặng Hữu T ngày 20/11/2018 là Methamphetamine, có khối lượng 2,480 gam *(Hai phẩy bốn trăm tám mươi gam).*

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 22/CT-VKSND, ngày 28/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố Đặng Hữu T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đặng Hữu T theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Hữu T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Hữu T từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và từ 24 (hai mươi tư) đến 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 42 (bốn mươi hai) đến 54 (năm mươi tư) tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Hữu T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám

định, lời khai của người làm chứng và toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ kết luận: Hồi 04 giờ 10 phút, ngày 20/11/2018, tại phòng hát Vip 1 quán Karaoke T 668 thuộc thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đặng Hữu T có hành vi tàng trữ 2,480 gam *(Hai phẩy bốn trăm tám mươi gam)* Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân. Trước đó, hồi 01 giờ 45 phút cùng ngày, cũng tại cổng quán hát T 668, Đặng Hữu T có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy đá cho Dương Văn H2, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã Đ, huyện S và Nguyễn Văn L, sinh năm 1999, trú tại thôn A, xã Đ, huyện S với giá 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Hành vi của Đặng Hữu T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng khi quyết định hình phạt với bị cáo.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[4] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị: Bản thân bị cáo là người sử dụng ma túy, bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm, tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý; xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là cố ý, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Xét bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện S đã thu giữ:

- 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có chứa Methamphetamine, bên ngoài phong bì trên các mép dán có chữ ký của Đặng Hữu T, thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu của cơ quan giám định; 01 (một) bộ đồ sử dụng ma túy đá gồm một chiếc coóng bằng thủy tinh, một ống nhựa màu trắng gắn vào bình thủy tinh, một bình thủy tinh. Đây là vật chứng của vụ án, hiện không có giá trị sử dụng, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone đã qua sử dụng trong máy điện thoại có lắp 01 sim điện thoại; 01 sim điện thoại trên sim có ghi 4G-Viettel và các dãy chữ số 8984, 0480, 0000, 1941, 998 của Đặng Hữu T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R8106 đã qua sử dụng trong máy có lắp một sim điện thoại của Dương Văn H2. Là tài sản của Đặng Hữu T, Dương Văn H2 sử dụng để liên lạc trong sinh hoạt hàng ngày, do vậy cần tuyên trả lại. Đối với các tài sản trả lại cho Đặng Hữu T cần giữ lại để đảm bảo thi hành án dân sự.

- Số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, đã gửi vào tài khoản 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S. Là khoản tiền do bị cáo phạm tội mà có, do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đặng Hữu T ở khu vực cầu Nhật Tân, thành phố Hà Nội vào ngày 17/11/2018, quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ điều tra, xử lý; Đối với hành vi của Trần Văn Đ cho Đặng Hữu T cùng các đối tượng Lê Văn H, Lưu Văn H2 sử dụng ma túy đá tại phòng hát Vip 1 quán Karaoke T 668 do Định làm quản lý nhưng do Định là đối tượng nghiện, cùng tham gia sử dụng nên không cấu thành tội phạm; Công an huyện S đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Đặng Hữu T, Trần Văn Đ, Đinh Quang K, Dương Văn H2, Nguyễn Văn L, Lê Văn H, Lưu Văn H, Linh Thị N và Hà Thị H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

Quá trình điều tra, Đinh Quang K còn khai nhận có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tách thành vụ án khác để tiếp tục điều tra. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 55 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Hữu T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

2. Xử phạt: Đặng Hữu T **02** (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và **02** (hai) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành **04** (bốn) năm tù Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tam giam (ngày 20/11/2018).

3. Về xử lý vất chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có chứa Methamphetamine, bên ngoài phong bì trên các mép dán có chữ ký của Đặng Hữu T, thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu của cơ quan giám định; 01 (một) bộ đồ sử dụng ma túy đá gồm một chiếc coóng bằng thủy tinh, một ống nhựa màu trắng gắn vào bình thủy tinh, một bình thủy tinh.

- Trả lại cho Đặng Hữu T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone đã qua sử dụng, trong máy điện thoại có lắp 01 sim điện thoại; 01 sim điện thoại trên sim có ghi 4G-Viettel và các dãy chữ số 8984, 0480, 0000, 1941, 998. Nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Dương Văn H2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R8106 đã qua sử dụng trong máy có lắp một sim điện thoại.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, đã gửi vào tài khoản 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2019 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Đặng Hữu T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/02/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ cụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Ma Quốc Thể

Hoàng Thị Oanh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bàn Văn Thế